

Bản án số: 42/2017/HS-PT

Ngày 25-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên- Thẩm tra viên của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2017/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Đặng Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1979 tại huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn Đồng C, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; con ông Đặng Đình X và bà Đỗ Thị C; có vợ là Vũ Thị K và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2011/HSST ngày 30-5-2011 của Tòa án nhân dân huyện Y phạt 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích). Tại Quyết định số 63/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Trưởng Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi đánh bạc ngày 14-9-2015 (đã được xóa tiền sự); bị cáo đầu thú ngày 09-02-2017; tạm giữ ngày 09-02-2017; tạm giam ngày 14-02-2017; tại ngoại ngày 06-6-2017; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 5 năm 1973 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Ngòi T, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Lưu Thị M; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 39/2013/HSPT ngày 30-8-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án 30-8-2013, hình phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) về tội Đánh bạc; đến ngày 11-3-2017 bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung; bản án hình sự sơ thẩm số 08/2016/HSST ngày 20-01-2016 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội Đánh bạc (số tiền đánh bạc dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng)); bị cáo đầu thú ngày 09-02-2017; tạm giữ ngày 09-02-2017; tạm giam ngày 14-02-2017; tại ngoại ngày 02-6-2017; có mặt tại phiên tòa.

3. La Ngọc H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 9 năm 1976 tại huyện Chương M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn Làng M, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Cao Lan; con ông La Ngọc T và bà Đỗ Thị N; có vợ là Hà Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008); tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2013/HSST ngày 29-5-2013 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái phạt 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) về tội Đánh bạc (số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ (năm triệu đồng)); ngày 06-02-2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt; bị cáo đầu thú ngày 08-02-2017; tạm giữ ngày 08-02-2017; tạm giam ngày 14-02-2017; tại ngoại ngày 29-3-2017; có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Huy H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1976 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Ngòi T, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Hà Đình T (còn có tên gọi khác là Hà Văn T) và bà Lê Thị H (cả hai ông bà đều đã chết); có vợ là Đào Thị L và 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2011/HSST ngày 30-5-2011 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái phạt 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ (năm triệu đồng) (đã được xóa án tích)); Tại Quyết định số 37/QĐ-XPHC ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 8.000.000đ (tám triệu đồng) về hành vi Hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; bị cáo bị bắt ngày 07-02-2017; tại ngoại ngày 29-3-2017; có mặt tại phiên tòa.

5. Ninh Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 9 năm 1973 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Đá T, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Cao Lan; con ông Ninh Văn Đ (còn có tên gọi khác là Ninh Xuân Đ) (đã chết) và bà La Thị H; có vợ là Lý Thị S và 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự:

Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 39/2013/HSPT ngày 30-8-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái phạt 01 (một) năm tù, hình phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) về tội Đánh bạc (số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ (năm triệu đồng) (đã được xóa án tích); bị cáo đầu thú ngày 09-02-2017; tạm giữ ngày 09-02-2017; tạm giam ngày 14-02-2017; tại ngoại ngày 29-3-2017; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Quốc D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 7 năm 1975 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Ngòi T, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Khắc K (đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt 07-02-2017; tại ngoại ngày 14-02-2017; có mặt tại phiên tòa.

7. Đỗ Kim T (tên gọi khác: Đỗ Tiến T), sinh ngày 05 tháng 9 năm 1964 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3 (Phai T), xã Bạch H, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay: Thôn Tầm V, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; con ông Đỗ Kim K (đã chết) và bà Vũ Thị K; có vợ là Đặng Thị L (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2003/HSST ngày 07-7-2003 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái phạt 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt ngày 07-02-2017; tại ngoại ngày 14-02-2017; có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Thị L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 11 năm 1974 tại huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Thôn Sơn H, xã Xuân V, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Đình D và bà Bùi Thị G; có chồng là Trần Hồng H và 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 07-02-2017; tại ngoại ngày 14-02-2017; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07-02-2017, Đặng Văn T rủ Lê Văn C tổ chức cho các con bạc ra hồ Thác B đánh bạc nhằm thu lời, theo kế hoạch bàn bạc thì Đặng Văn T chuẩn bị thuyền máy, bát, đĩa dùng để đánh bạc và đứng ra thu tiền phế của các con bạc, sau đó đưa tiền cho Lê Văn C cất giữ để thanh toán tiền điện và chi tiêu ăn uống, còn thừa thì chia nhau. Tối cùng ngày, Đặng Văn T và Lê Văn C dùng thuyền máy chở các con bạc ra khu vực hồ giáp đảo Gò G thuộc thôn Tầm V, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Tại đây, Đặng Văn T đã thu tiền phế của một số con bạc với số tiền 100.000 đồng, sau đó các con bạc đã chơi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa với cách thức như sau: La

Ngọc H là người xóc cái, trước khi chơi, La Ngọc H cắt 04 quân đóm, lấy dầu luyen bôi đen một mặt để làm quân, sau đó dùng 04 quân đóm cho vào đĩa rồi úp bát lên xóc đều, rồi đặt xuống chiếu để cho những người đánh bạc đặt cược tiền ở bên chẵn hoặc bên lẻ. Khi mọi người đặt cược xong thì La Ngọc H mở bát, nếu thấy 04 quân đóm đều màu đen hoặc 04 quân đóm đều màu trắng hoặc 02 quân đen, 02 quân trắng thì ván đó về chẵn, người đặt cược tiền bên chẵn được lấy lại tiền đặt cược và được trả thêm một số tiền bằng tiền đã đặt cược, còn những người đặt tiền về bên lẻ mất số tiền đã đặt cược, ngược lại nếu thấy 01 quân đen, 03 quân trắng hoặc 01 quân trắng 03 quân đen thì ván đó về lẻ, những người đặt tiền bên lẻ được lấy lại tiền đã đặt cược và được trả thêm một khoản tiền bằng số tiền đã đặt cược, những người đặt cược bên chẵn mất số tiền đã đặt cược. Tổng cộng có 15 bị cáo tham gia trực tiếp chơi đánh bạc gồm Đặng Văn T, Lê Văn C, Đỗ Kim T, Phùng Xuân V, Nguyễn Quốc D, Lý Thị H, Lý Thị G, Phạm Thị L, Trương Thị T, Lý Thị S, La Ngọc H, Ninh Văn T, Hà Văn H, Nguyễn Sỹ N, Đặng Kim H, còn bị cáo Hà Huy H không trực tiếp đánh bạc, nhưng có mang tiền để cho các con bạc vay dùng vào mục đích đánh bạc.

Các bị cáo chơi đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là số tiền dùng vào việc đánh bạc thu tại chiếu bạc là 27.550.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và cùng với số tiền thu của các bị cáo chứng minh được là tiền dùng vào việc đánh bạc. Tổng cộng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 37.610.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Tại bản án hình sự số 27/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Lê Văn C phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Các bị cáo La Ngọc H, Hà Huy H, Ninh Văn T, Nguyễn Quốc D, Đỗ Kim T, Đặng Kim H, Phùng Xuân V, Hà Văn H, Nguyễn Sỹ N, Lý Thị G, Trương Thị T, Lý Thị H, Phạm Thị L, Lý Thị S phạm tội “Đánh bạc”

II. Về hình phạt:

1. Đặng Văn T:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt Đặng Văn T 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù; phạt bổ sung 5.000.000đ (năm triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội;

khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt Đặng Văn T 9 (chín) tháng tù; phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

* Tổng hợp hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự buộc Đặng Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 2 (hai) năm tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2017 đến ngày 06-6-2017 là 3 (ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 1 (một) năm 8 (tám) tháng 2 (hai) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bổ sung Đặng Văn T phải nộp 8.000.000đ (tám triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Lê Văn C:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, phạt Lê Văn C 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, phạt Lê Văn C 06 (sáu) tháng tù; phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chính buộc Lê Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2017 đến ngày 02-6-2017 là 3 (ba) tháng 24 (hai mươi tư) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 06 (sáu) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. La Ngọc H: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt La Ngọc H:

- 07 (bảy) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-02-2017 đến ngày 29-3-2017 là 01 (một) tháng 20 (hai mươi) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 05 (năm) tháng 10 (mười) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Hà Huy H: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự phạt Hà Huy H:

- 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian từ khi bắt ngày 07-02-2017 đến khi tại ngoại ngày 29-3-2017 là 01 (một) tháng 21 (hai mươi một) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 9 (chín) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

5. Ninh Văn T: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2

Điều 46 Bộ luật Hình sự phạt Ninh Văn T:

- 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2017 đến ngày 29-3-2017 là 01 (một) tháng 19 (mười chín) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 11 (mười một) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

6. Nguyễn Quốc D: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt Nguyễn Quốc D:

- 06 (sáu) tháng tù, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ (từ ngày 07-02-2017 đến ngày 14-02-2017), thời hạn tù còn phải chấp hành là 05 (năm) tháng 22 (hai mươi hai) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

7. Đỗ Kim T: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự phạt Đỗ Kim T (tên gọi khác Đỗ Tiến T):

- 06 (sáu) tháng tù, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ (từ ngày 07-02-2017 đến ngày 14-02-2017), thời hạn tù còn phải chấp hành là 05 (năm) tháng 22 (hai mươi hai) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

8. Phạm Thị L: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự phạt Phạm Thị L:

- 06 (sáu) tháng tù, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ (từ ngày 07-02-2017 đến ngày 14-02-2017), thời hạn tù còn phải chấp hành là 05 (năm) tháng 22 (hai mươi hai) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án;

- 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 08 bị cáo còn lại và quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 và ngày 23 tháng 8 năm 2017 bị cáo Đặng Văn T, bị cáo Lê Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các ngày 21 tháng 8, 22 tháng 8 và 23 tháng 8 năm 2017 các bị cáo La Ngọc H, Đỗ Kim T, Nguyễn Quốc D, Ninh Văn T, Phạm Thị L, Hà Huy H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngoài ra trong vụ án còn có 08 bị cáo khác không kháng cáo gồm: Đặng Kim H, Phùng Xuân V, Hà Văn H, Nguyễn Sỹ N, Lý Thị G (tên gọi khác Lý Thị H),

Trương Thị T, Lý Thị H, Lý Thị S.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm và quyết định đối với từng bị cáo như sau:

* Đối với bị cáo Đặng Văn T: Áp dụng khoản (1) Điều 249; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản (1) Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 phạt bị cáo 01 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc.

Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản (1) Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt theo quy định.

* Đối với bị cáo Lê Văn C: Áp dụng khoản (1) Điều 249; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46; điểm g khoản (1) Điều 48 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo 01 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc.

Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46; điểm g khoản (1) Điều 48 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội theo quy định.

* Đối với bị cáo La Ngọc H: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản (1) Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù.

* Đối với bị cáo Hà Huy H: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1) Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù.

* Đối với bị cáo Ninh Văn T: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1); khoản (2) Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù.

* Đề nghị khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của các bị cáo T, C, H, H, T.

* Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm h, p khoản (1) Điều 46; khoản (1); khoản (2) Điều 60 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản (1) Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù cho hưởng án treo.

* Đối với bị cáo Đỗ Kim T: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm p khoản (1); khoản 2 Điều 46; khoản (1); khoản (2) Điều 60 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản (1) Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù cho hưởng án treo.

* Đối với bị cáo Phạm Thị L: Áp dụng khoản (1) Điều 248; điểm h, p khoản (1) Điều 46; khoản (1); khoản (2) Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù cho hưởng án treo.

Ý kiến của các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, lời khai và nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vậy đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 07-02-2017, bị cáo Đặng Văn T đã bàn bạc, thống nhất với bị cáo Lê Văn C chuẩn bị bát, đĩa dùng vào việc đánh bạc và dùng thuyền máy chở các con bạc đến bến Ngòi T, xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái để đánh bạc, sau đó thu tiền phé của các con bạc hành vi này của bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Lê Văn C đã cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự, sau đó hai bị cáo cùng trực tiếp tham gia đánh bạc với các con bạc trong đó có các bị cáo La Ngọc H, Đỗ Kim T, Nguyễn Quốc D, Ninh Văn T, Phạm Thị L, Hà Huy H, các bị cáo đã dùng số tiền 37.610.000 đồng để chơi bạc với hình thức xóc đĩa, hành vi này của các bị cáo đã cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

[2] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc là xâm phạm trật tự công cộng và vi phạm pháp luật vì vậy Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn C phạm tội Tổ chức đánh bạc và tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn C, La Ngọc H, Đỗ Kim T, Nguyễn Quốc D, Ninh Văn T, Phạm Thị L, Hà Huy H phạm tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Về hình thức các bị cáo đều làm đơn trong hạn luật định nên cần được chấp nhận. Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội, đã xem xét nhân thân của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt và xử phạt đối với từng bị cáo là tương đối phù hợp, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo xuất trình chứng cứ mới là đã nộp tiền án phí và số tiền mà cấp sơ thẩm đã xử phạt, mặt khác mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với từng bị cáo và giữa các bị cáo với nhau có chỗ chưa thực sự hợp lý nên cần xem xét lại cụ thể như sau:

* Đối với bị cáo Đặng Văn T: Đã cùng bị cáo Lê Văn C tổ chức đánh bạc, tuy là đồng phạm giản đơn nhưng T là người khởi xướng nên phải chịu trách nhiệm chính. Đối với hành vi đánh bạc T tham gia với vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác; do T giữ vai trò chính trong vụ án và phạm nhiều tội nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian vừa đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy

nhân kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

* Đối với bị cáo Lê Văn C: Cùng bị cáo T tổ chức đánh bạc, tuy có vai trò sau bị cáo T, nhưng bị cáo C có tình tiết tăng nặng là tái phạm nên mức hình phạt phải chịu bằng bị cáo T; đối với hành vi đánh bạc C tham gia với vai trò đồng phạm phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác. Do có nhân thân xấu và phạm nhiều tội nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt tù là có căn cứ nên cần chấp nhận.

* Đối với bị cáo La Ngọc H: Là người có nhân thân xấu, có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm nên mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo có căn cứ nên được chấp nhận.

* Đối với bị cáo Hà Huy H: Tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã có hành vi chuẩn bị tiền cho các bị cáo khác vay để đánh bạc nên hành vi đó đã cấu thành tội phạm với vai trò giúp sức. Tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo đã phạm tội cùng loại là đánh bạc nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có căn cứ nên được chấp nhận.

* Đối với bị cáo Ninh Văn T: Cùng đánh bạc với các bị cáo khác với vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác. Tuy đã được xóa án tích, nhưng bị cáo đã phạm tội cùng loại là đánh bạc thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo có căn cứ nên được chấp nhận.

* Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác. Tuy nhiên bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng chế định quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

* Đối với bị cáo Đỗ Kim T: Tham gia vụ án với vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tài liệu là bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương thuộc diện gia đình có công với cách mạng, nên cần được xem xét và chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự.

* Đối với bị cáo Phạm Thị L: Là đồng phạm trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm như các bị cáo khác, bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên được

chấp nhận để áp dụng chế định quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những phân tích trên, và do có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm là các bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền án phí và tiền phạt do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên thể hiện thái độ ăn năn của các bị cáo nên cần xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt tù; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo của các bị cáo: Nguyễn Quốc D; Phạm Thị L và Đỗ Kim T; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo: La Ngọc H; Hà Huy H và Ninh Văn T và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa để sửa án sơ thẩm.

[5] Việc sửa án sơ thẩm là do có tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn T, Lê Văn C, Nguyễn Quốc D, Đỗ Kim T, Phạm Thị L; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo La Ngọc H; Hà Huy H; Ninh Văn T sửa bản án sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y như sau:

1.1 Về tội danh:

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Lê Văn C phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc.

+ Tuyên bố các bị cáo La Ngọc H, Hà Huy H, Ninh Văn T, Nguyễn Quốc D, Đỗ Kim T, Phạm Thị L phạm tội Đánh bạc.

1.2 Về hình phạt:

1.2.1 Đối với bị cáo Đặng Văn T:

* Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 01 (một) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc.

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 04 (bốn) tháng tù về tội Đánh bạc.

* Tổng hợp hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự, buộc Đặng Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 3 (ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) ngày tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2.2 Đối với bị cáo Lê Văn C:

* Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc.

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) tháng tù về tội Đánh bạc.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc Lê Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 3 (ba) tháng 24 (hai mươi tư) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 06 (sáu) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án

1.2.3 Đối với bị cáo La Ngọc H:

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo La Ngọc H 04 (bốn) tháng tù, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam là 01 (một) tháng 20 (hai mươi) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 02 (hai) tháng 10 (mười) ngày tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2.4 Đối với bị cáo Hà Huy H:

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hà Huy H 03 (ba) tháng tù, được trừ thời gian từ khi bị bắt đến khi tại ngoại là 01 (một) tháng 21 (hai mươi một) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 01 (một) tháng 09 ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2.5 Đối với bị cáo Ninh Văn T:

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Ninh Văn T 03 (ba) tháng tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 (một) tháng 19 (mười chín) ngày, thời hạn tù còn phải chấp hành là 01 (một) tháng 11 (mười một) ngày, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2.6 Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D:

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là một năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc D cho Ủy ban nhân dân xã Vũ L, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Quốc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.2.7 Đối với bị cáo Đỗ Kim T (Đỗ Tiến T):

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Kim T 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là một năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Kim T cho Ủy ban nhân dân xã Bạch H, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Đỗ Kim T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.2.8 Đối với bị cáo Phạm Thị L:

* Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là một năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Xuân V, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh YB;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Toà án, VKS, CA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- 08 Bị cáo;
- Lưu: HS, TA.

(Đã ký)

Phan Văn Tiến

